

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY,
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 06 -9 - 2021

V/v Không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Hồng và bà Đinh Thị Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 12, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 12, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ mới: Thôn 12, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

(có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà hồ Thị B trình bày:

Từ năm 1987 đến tháng 4/2021, bà và Nguyễn Thanh Tr tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Khi mới chung sống với nhau thì ông, bà rất hạnh phúc nhưng đến thời gian gần đây giữa ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

cải vã nhau do không đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, hơn nữa ông Tr thường hay nhậu nhẹt, quậy phá, khiến cuộc sống gia đình không được hạnh phúc. Nay, bà B không còn tình cảm với ông Tr nữa, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Thanh Tr.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có năm con chung, con lớn tên Nguyễn Thị Diệu Hiền, sinh ngày 18/12/1988, con thứ hai là Nguyễn Thanh Thành, sinh ngày 26/02/1991, con thứ ba là Nguyễn Thanh Vũ, sinh ngày 28/4/1993, con thứ tư là Nguyễn Thanh Sang, sinh ngày 07/8/2000, con thứ năm là Nguyễn Thanh Sáng, sinh ngày 18/4/2005, các con của ông bà đều đã lớn và có gia đình riêng và tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Hồ Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Bà Hồ Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Nguyễn Thanh Tr trình bày trong bản tự khai và tại phiên hòa giải: Ông đồng ý với yêu cầu xin ly hôn cũng như lý do xin ly hôn mà bà B trình bày, ông xét thấy tình cảm giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông bà là vợ chồng để hai bên giải thoát cho nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có năm con chung, con lớn tên Nguyễn Thị Diệu Hiền, sinh ngày 18/12/1988, con thứ hai là Nguyễn Thanh Thành, sinh ngày 26/02/1991, con thứ ba là Nguyễn Thanh Vũ, sinh ngày 28/4/1993, con thứ tư là Nguyễn Thanh Sang, sinh ngày 07/8/2000, con thứ năm là Nguyễn Thanh Sáng, sinh ngày 18/4/2005, các con của ông bà đều đã lớn và có gia đình riêng và tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Ông Nguyễn Thanh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy thụ lý, giải quyết vụ án cho đến nay, các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình quy định tại điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh Tr đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Bà Hồ Thị B và ông Nguyễn Thanh Tr tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987. Như vậy, giữa bà B và ông Tr chung sống với nhau như vợ chồng thời gian từ năm 1987 đến ngày 01/01/2003, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định

của pháp luật, nhưng bà B và ông Tr không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông Tr không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy, cần chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021 của nguyên đơn bà Hồ Thị B. Về con chung: Quá trình chung sống bà Hồ Thị B và ông Nguyễn Thanh Tr có năm con chung, con lớn tên Nguyễn Thị Diệu Hiền, sinh ngày 18/12/1988, con thứ hai là Nguyễn Thanh Thành, sinh ngày 26/02/1991, con thứ ba là Nguyễn Thanh Vũ, sinh ngày 28/4/1993, con thứ tư là Nguyễn Thanh Sang, sinh ngày 07/8/2000, con thứ năm là Nguyễn Thanh Sáng, sinh ngày 18/4/2005, các con của ông bà đều đã lớn và có gia đình riêng và tự nuôi sống bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và khoản nợ: Bà Hồ Thị B và ông Nguyễn Thanh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147, 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B, không công nhận bà Hồ Thị B và ông Nguyễn Thanh Tr là vợ chồng.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Hồ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Hồ Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc xin ly hôn ông Nguyễn Thanh Tr.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị B xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh Tr là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành. Hai người đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 12, xã Đắc Tô Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thanh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh Tr.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông Tr bắt đầu xác lập năm 1987 nên theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết. Tại thời điểm bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng năm 1988, bà B và ông Tr đều đủ tuổi kết hôn; hai bên chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm đăng ký kết hôn. Như vậy, bà B và ông Tr có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 5,6,7 Luật Hôn nhân và gia đình 1986. Tuy nhiên, tại thời điểm bắt đầu chung sống, bà B và ông Tr không đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã nơi cư trú của một trong hai người là vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình 1986. Sau đó, từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003 và từ sau ngày 01/01/2003 đến nay, bà B và ông Tr cũng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, theo quy định tại Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b Khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Hồ Thị B và ông Nguyễn Thanh Tr không được công nhận là vợ chồng.

[5] Về con chung và tài sản chung:

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có năm con chung, con lớn tên Nguyễn Thị Diệu Hiền, sinh ngày 18/12/1988, con thứ hai là Nguyễn Thanh Thành, sinh ngày 26/02/1991, con thứ ba là Nguyễn Thanh Vũ, sinh ngày 28/4/1993, con thứ tư là Nguyễn Thanh Sang, sinh ngày 07/8/2000, con thứ năm là Nguyễn Thanh Sáng, sinh ngày 18/4/2005, các con của ông bà đều đã lớn và có gia đình riêng và tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng nhận thấy, bà B và ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và khoản nợ: Bà Hồ Thị B và ông Nguyễn Thanh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 5,6,7 và 8 Luật Hôn nhân và gia đình 1986; Điều 14 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b Khoản 2 thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân

dân tối cao, Bộ Tư pháp ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hồ Thị B. Không công nhận bà Hồ Thị B và ông Nguyễn Thanh Tr là vợ chồng.

2. Về án phí: Căn cứ các Điều 144; 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Hồ Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004609 ngày 06/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Bà B đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/9/2021). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy;
- UBND xã Đăk Tờ Re, Kon Rẫy;
- Các đương sự
- Lưu HSVA./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Nuôi